| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **59**/2024/QĐST-HNGĐ | *Gò Công Tây, ngày 19 tháng 02 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024, giữa:

*Nguyên đơn: Huỳnh Thị Thu D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện G, tỉnh T.

*Bị đơn: Trần Văn K, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện G, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2024.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Thu D và ông Trần Văn K.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Huỳnh Thị Thu D và ông Trần Văn K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung gồm:

+ Trần Văn Mỹ N, sinh ngày 30/7/1994 (đã trưởng thành) nên không đặt ra

yêu cầu giải quyết.

+ Trần Quốc N, sinh ngày 14/01/2007.

Bà D và ông K thống nhất giao con chung Trần Quốc N, sinh ngày 14/01/2007 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung Trần Quốc N tròn 18 tuổi, lao động được. Ông Trần Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Bà D và ông K thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà D và ông K thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí HNST: Bà D tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0009222 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T được cấn trừ nên hoàn lại cho bà D số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- UBND xã L, huyện G, tỉnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Thị Thanh Trinh**